

Số: 2 6 8 /CBTT-HNS

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CỦA HMG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel
- Mã chứng khoán: HMG
- Địa chỉ: Số 20 Tôn Thất Tùng - Đống Đa - Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024. 38521115 - 206
- E-mail: hns@hns.com.vn

Fax: 024.38523851

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2021 để chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/02/2022 tại đường dẫn <http://hns.com.vn/tin-tuc/thong-tin-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD Cty (b/c)
- Lưu: VT,TKCty.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên năm 2021.

Trần Thị Hoa Lý

Số: 267 /BC-HNS

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL**
- Tên giao dịch: VNSTEEL - HNSTEEL CORPORATION
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100100368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 09 ngày 30/03/2021.
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng (chín mươi tỷ đồng)
- Vốn chủ sở hữu: 95.335.205.086 đồng.
- Địa chỉ: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 38521115 -206
- Số fax: 024 38523851
- Website: <http://www.hns.com.vn>
- Mã chứng khoán: HMG
- Mã cổ phiếu (nếu có):
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - Vnsteel (HNSTEELCORP) là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (VNS) được thành lập từ năm 1960 và đã có 62 năm kinh nghiệm kinh doanh mặt hàng kim khí và các dịch vụ logistics. Với mạng lưới phân phối rộng khắp và hệ thống kho bãi hoàn chỉnh, HNSTEELCORP có đủ kinh nghiệm và năng lực đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Hiện nay HNSTEELCORP có 06 xí nghiệp trực thuộc tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại Hải Phòng, HNSTEELCORP là nhà cung cấp lớn các chủng loại thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu cho các nhà máy và các công trình xây dựng công nghiệp cũng như dân dụng; là nhà phân phối chính thức của nhiều thương hiệu thép hàng đầu thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

(VNSTEEL) như: Thép Việt Úc (VUC), Gang thép Thái Nguyên (TISCO), Ống thép VINAPIPE, v.v. Ngoài ra, HNSTEELCORP có các đơn vị chuyên doanh một số chủng loại thép như: Thép hình, thép tấm, thép lá, thép chế tạo, ống thép... ; cung cấp vật tư nguyên liệu phục vụ ngành thép như quặng sắt, than mỡ, than coke luyện kim, gang, thép phế liệu, phôi thép...

Ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

+ Ngày 01/07/1960: Thành lập Chi cục kim khí Hà Nội thuộc Cục kim khí thiết bị, Tổng cục Vật tư;

+ Năm 1970: Thành lập Công ty kim khí Hà Nội trực thuộc Tổng Công ty kim khí;

+ Từ năm 1980-1982: Công ty kim khí Hà Nội thuộc Liên hiệp cung ứng vật tư khu vực I;

+ Năm 1983: Công ty kim khí Hà Nội thuộc Liên hiệp xuất nhập khẩu vật tư;

+ Ngày 28/05/1993: Công ty kim khí Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam;

+ Ngày 01/01/2006: Công ty cổ phần kim khí Hà Nội chính thức đi vào hoạt động;

+ Ngày 02/07/2007: Công ty cổ phần kim khí Hà Nội chính thức trở thành Công ty đại chúng;

+ Ngày 02/04/2010: Công ty cổ phần kim khí Hà Nội được cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

+ Ngày 13/05/2016: Công ty cổ phần kim khí Hà Nội đổi tên thành Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - Vnsteel.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

+ Kinh doanh kim khí, nguyên vật liệu phục vụ ngành thép, kinh doanh máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải, bốc xếp, san ủi phục vụ sản xuất, xây dựng và khai thác mỏ, kinh doanh vòng bi, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí, các loại vật tư tổng hợp, thiết bị viễn thông, điện tử, điện lạnh, máy vi tính và các loại vật tư ngoại vi;

+ Sản xuất gia công, chế biến các sản phẩm kim loại; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh xe ô tô, xe máy và phụ tùng linh kiện kèm theo; kinh doanh dịch vụ sửa chữa ô tô, xe máy; gia công lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa đóng mới các loại xe và dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô, xe máy;

+ Kinh doanh các dịch vụ giao nhận, vận chuyển, kho bãi, bãi đỗ xe, cho thuê văn phòng, dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh bất động sản, nhà ở, khách sạn, dịch vụ siêu thị và hàng hoá tiêu dùng; kinh doanh dịch vụ thể thao, ăn uống du lịch;

+ Kinh doanh các hoạt động phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh và các dịch vụ đại lý, ký gửi các mặt hàng thuộc phạm vi kinh doanh của Công ty...

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty có trụ sở chính tại Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội và các đơn vị trực thuộc, hệ thống phân phối:

+ Phòng Kế hoạch - Kinh doanh

Số điện thoại: 024 38521115 (Ext 44, 309, 310, 311, 312, 313)

Fax: 024 38524155

Email: kehoachkinhdoanh@hns.com.vn

+ Phòng Đầu tư - Dịch vụ

Số điện thoại: 024 38521115 (Ext 305, 314, 315)

Fax: 024 38523851

Email: dautudichvu@hns.com.vn

+ Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1

Km3 đường Phan Trọng Tuệ, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, TP Hà

Nội

Số điện thoại: 024 36884295, 024 36884560

Fax: 024 36882806

Email: xinghiiep1@hns.com.vn

+ Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 2

198 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: 024 37655325

Fax: 024 37655326

Email: hoangvk@hns.com.vn

+ Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 6

Số 109, ngõ 53 Phố Đức Giang, P. Đức Giang, Quận Long Biên, Hà Nội

Số điện thoại: 024 38273123

Fax: 024 38273123

Email: minhtl@hns.com.vn

+ Xí nghiệp kinh doanh kim khí số 8

Số 53 Phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Số điện thoại: 024 38271425

Fax: 024 38273123

Email: hungbm@hns.com.vn

+ Xí nghiệp kinh doanh Thép hình

Số 53 Phố Đức Giang, Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Số điện thoại: 024 38772224

Fax: 024 38772237

Email: xinghiiep_thephinh@hns.com.vn

+ Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng

Km3 đường Phan Trọng Tuệ, Xã Thanh Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Số điện thoại: 024 36473026

Fax: 024 36320311

Email: xinghiepchuyendung@hns.com.vn

+ Chi nhánh tại Hải Phòng

Số 67 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Số điện thoại: 031 3765314

Fax: 031 3837475

Email: chinhanhhaiphong@hns.com.vn

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban điều hành Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

4. Định hướng phát triển

- Định hướng phát triển của HNSTEELCORP là xây dựng hệ thống kinh doanh thương mại và dịch vụ hiện đại, hoàn hảo, cạnh tranh, bảo đảm tối đa nhu cầu của khách hàng với phương châm: Thành công của khách hàng chính là thành công của HNSTEELCORP “Vươn tới tầm cao”

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Tổ chức tốt các hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh có tăng trưởng 5% - 10% so với năm trước.

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, cải thiện tăng năng suất lao động,

+ Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Tập trung nguồn lực kinh doanh những mặt hàng chủ đạo có hiệu quả ổn định: nguyên liệu luyện, cán thép và các loại sản phẩm sau cán (thép xây dựng, thép tấm, lá, thép hình, thép ống...);

+ củng cố, phát triển và khẳng định vị thế là một trong những nhà phân phối sản phẩm thép lớn của các nhà sản xuất thép trong nước; Phát huy liên kết toàn diện với các đơn vị trong hệ thống Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trong hoạt động cung cấp nguyên liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thép;

+ Mở rộng hệ thống khách hàng, thị trường, tìm kiếm khai thác mặt hàng kinh doanh mới, thích ứng với sự thay đổi của thị trường;

+ Chú trọng công tác quản trị tài chính, tạo nguồn tín dụng tốt nhất để phục vụ kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, bảo toàn vốn, tăng cường công tác quản trị rủi ro, thu hồi công nợ, không để phát sinh công nợ khó đòi;

+ Đầu tư, nâng cấp hệ thống kho bãi, quản lý và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của Công ty;

+ Nâng cao chất lượng lao động theo hướng chuyên nghiệp; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV.

5. Các rủi ro:

Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài đã làm suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam, thị trường thép có nhiều diễn biến phức tạp, giá tăng cao, do vậy công tác dự báo, nhận định thị trường gặp rất nhiều khó khăn.

Với đặc thù kinh doanh ngành thép, khách hàng thường mua hàng trả chậm, định mức tồn kho cần đủ các chủng loại, cơ cấu mặt hàng nên sử dụng nguồn vốn vay lớn, từ đó phát sinh chi phí tài chính lớn, giảm hiệu quả kinh doanh.

Trong môi trường kinh doanh mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, ngoài việc giành thị phần, giữ khách hàng, tăng sản lượng tiêu thụ, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý chặt chẽ việc bán hàng, thăm định khách hàng, vì vậy việc mở rộng khách hàng và thị phần gặp nhiều khó khăn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: 9,314 tỷ đồng và vượt 53% kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, doanh thu đạt 104% kế hoạch, thu nhập của người lao động tăng 13% so với năm 2020. Chỉ tiêu lượng hàng bán ra của kinh doanh thương mại đạt 73% kế hoạch, giảm 13% so với thực hiện cùng kỳ năm 2020.

Để đạt những kết quả trên, Công ty đã áp dụng nhiều giải pháp để tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tận dụng tối đa các cơ hội kinh doanh nhằm tăng quy mô kinh doanh, củng cố và mở rộng hệ thống khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho, song song với việc kiểm soát rủi ro, tạo công ăn việc làm ổn định, cải thiện đời sống CBCNV.

Năm 2021, TP Hà Nội và nhiều tỉnh thành khác thực hiện việc giãn cách xã hội, nhiều công trình xây dựng không thực hiện đúng tiến độ, thị trường thép trầm lắng, nhu cầu tiêu thụ trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản thấp, do vậy Công ty không đạt chỉ tiêu sản lượng, do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 giao. Bên cạnh đó, Công ty đã tận dụng cơ hội giá các mặt hàng thép tăng, nỗ lực tổ chức hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho, từ đó đạt và vượt chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 giao. Đến ngày 31/12/2021 Công ty đã xóa hết lỗ lũy kế.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020 (VNĐ)	Kế hoạch 2021 (VNĐ)	Thực hiện 2021 (VNĐ)	% so với KH	% so với 2020
Doanh thu thuần	1.910.480.212.514	2.386.268.000	2.494.006.980.996	104	131
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(42.629.649)		8.956.145.430		
Lợi nhuận khác	2.141.626.508		358.017.621		
Lợi nhuận trước thuế	2.098.996.859	6.073.000.000	9.314.163.051	153	444
Lợi nhuận sau thuế	1.230.515.583		6.665.560.101		542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	137		741		

Nguồn báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021

2. Tổ chức và nhân Sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Ông Nguyễn Huy Thành - Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm: Ngày 22/03/2021

Số CP có quyền biểu quyết: 2.327.932 CP, chiếm 25,87% vốn điều lệ trong đó:

* Đại diện Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP sở hữu: 2.298.732 CP

* Cá nhân sở hữu: 29.200 CP

Điện thoại : 024.38523852

Email : thanhnh@hns.com.vn

+ Ông Hoàng Ngọc Chiến

Bổ nhiệm: Ngày 24/03/2021

Số CP có quyền biểu quyết: 1.148.562 CP, chiếm 12,76% vốn điều lệ trong đó:

* Đại diện Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP sở hữu: 1.148.562 CP

Điện thoại : 024.35744768

Email : chienhn@vnsteel.vn

- Trưởng Phòng Tài chính kế toán:

Bà Dương Thị Phương Hiền - Trưởng Phòng TCKT

Bổ nhiệm: Ngày 02/11/2021

Số CP có quyền biểu quyết: 500 CP, chiếm 0,005% vốn điều lệ

trong đó:

* Cá nhân sở hữu: 500 CP

Điện thoại : 024.38521115 (Ext 301)

Email : hiendtp@hns.com.vn

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Bổ nhiệm:

+ Ông Nguyễn Huy Thành - Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm: Ngày 22/03/2021

+ Ông Hoàng Ngọc Chiến - Phó Tổng giám đốc

Bổ nhiệm: Ngày 24/03/2021

Miễn nhiệm:

+ Ông Phạm Công Dũng - Tổng Giám Đốc

Miễn nhiệm: Ngày 22/03/2021 - Lý do: Chuyển công tác khác

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2021: 132 người

Chế độ làm việc:

+ Tất cả cán bộ công nhân viên được ký hợp đồng lao động.

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày /tuần và 8 giờ/ngày.

+ Đối với lao động nữ theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty bố trí làm những công việc nhẹ nhàng hơn. Trong thời gian nghỉ thai sản, người lao động được hưởng các chế độ theo quy định của Công ty và bảo hiểm xã hội.

+ CBCNV làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm.

Chính sách đối với người lao động:

Chính sách đào tạo:

Công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho người lao động luôn được Công ty chú trọng và triển khai thường xuyên vì đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của Công ty. Năm 2021 do dịch bệnh nên công tác đào tạo thực hiện còn hạn chế.

Hàng năm cử cán bộ tham gia các khóa học và các lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

Công ty luôn cố gắng tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động Công ty tham gia các lớp học để nâng cao trình độ nếu có nguyện vọng.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương, thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2021, Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án). Công ty chỉ thực hiện sửa chữa nhỏ, nâng cấp hạ tầng và tài sản tại Văn

phòng Công ty và các Tổng kho, triển khai theo nhu cầu và kế hoạch.

b) Các Công ty con, Công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	141.998.859.628	260.402.788.785	83%
Doanh thu thuần	1.909.059.764.314	2.492.022.076.906	31%
Giá vốn	1.868.884.968.594	2.439.355.050.721	31%
Lợi nhuận gộp	40.174.795.720	52.667.026.185	31%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.742.954.789	1.195.687.804	-56%
Chi phí hoạt động tài chính	6.747.700.846	7.985.166.059	18%
Chi phí quản lý, bán hàng	36.212.679.312	36.921.402.500	2%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(42.629.649)	8.956.145.430	
Lợi nhuận khác	2.141.626.508	358.017.621	-83%
Lợi nhuận trước thuế	2.098.996.859	9.314.163.051	334%
Lợi nhuận sau thuế	1.230.515.583	6.665.560.101	442%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

Nguồn báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,4	1,5	
+ hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,7	1,3	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	37,6	63,4	Nợ phải trả/ Tổng TS
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	60,1	173,1	Nợ phải trả/ Vốn CSH
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn			

kho bình quân	21,8	80,0	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	8,8	12,4	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,27	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	1,39	6,99	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,87	2,56	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,00	0,36	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 9.000.000 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
Nhà nước	1	8.043.150	89,37%
Cổ đông trong nước		956.850	10,63%
Cổ đông nước ngoài	0	0	0
Tổng cộng		9.000.000	100

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ chốt ngày 31/12/2021

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy ĐKDN	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP	91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0100100047	8.043.150	80.431.500.000	89,37

c) Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo):

6.4. Tiêu thụ nước: Chỉ dùng nước cho sinh hoạt.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty tuân thủ cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động đến thời điểm 31/12/2021: 132 người

Thu nhập bình quân: 10.022.000đồng/người/tháng, bằng 113% so với cùng kỳ năm 2020.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- **Đảm bảo sức khỏe và an toàn cho CBCNV:**

+ Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN.

+ Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 01 lần/ năm

+ Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật lao động

+ Cung cấp nước sạch tại nơi làm việc, trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động như định kỳ kiểm định cầu trục, cầu trục, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...

- **Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV**

+ Đảm bảo mức thu nhập ổn định cho CBCNV. Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp và minh bạch;

+ Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua việc hàng năm tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, các chương trình tham quan, du lịch;

+ Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo, hỗ trợ CBCNV bị ảnh hưởng dịch Covid-19;

+ Tặng quà sinh nhật cho NLĐ, tặng quà cho nữ CBCNV nhân dịp ngày 8/3, 20/10. Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi, trung thu và tặng quà cho các cháu có thành tích tốt trong học tập;

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV;

- Đào tạo về kỹ năng PCCC, PCCN, ATVSLĐ cho CBCNV

- Các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình, hội thảo, chuyên đề do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI, cục thuế Hà Nội, Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP, các tổ chức khác tổ chức có liên quan đến hoạt động của Công ty như nghiệp vụ kế toán, chế độ báo cáo về chứng khoán, chính sách mới về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ xuất nhập khẩu...

- Định kỳ tham gia các khóa đào tạo về ATVSLĐ, PCCN, PCCC...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính:

- Lượng tiêu thụ: 155.296 tấn, đạt 73% KH và bằng 87% so TH năm 2020.

- Doanh thu: 2.492.022 triệu đồng, đạt 104% KH và bằng 130% so với năm 2020.

- Tồn kho 31/12/2021: 1.628 tấn.

- Nợ ngân sách: 41.477 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 9.314 triệu đồng, đạt 153% kế hoạch Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2021 giao và bằng 444% so với năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế: 6.666 triệu đồng, tăng trưởng 442% so với năm 2020.

- Thu nhập bình quân: 10.022.000đồng/người/tháng, bằng 113% so với cùng kỳ năm 2020.

***Kinh doanh thương mại**

Năm 2021 tổng lượng sản phẩm tiêu thụ toàn Công ty đạt 155.296 tấn.

Trong đó:

Đơn vị tính: Tấn

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% so với KH 2021	% so với CK 2020
1	Nguyên liệu	65.000	63.035	97%	142%
2	Thép xây dựng	58.000	47.603	82%	82%
3	Thép tấm lá	64.000	34.808	54%	64%
4	Thép hình	18.000	3.406	19%	23%
5	Thép ống, khác	7.000	6.444	92%	101%
	Tổng cộng	212.000	155.296	73%	87%

Năm 2021, lượng tiêu thụ đạt 73% kế hoạch năm do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 giao và bằng 87% so thực hiện năm 2020. Đánh giá cụ thể từng mặt hàng kinh doanh như sau:

** Những mặt hàng có sự tăng trưởng so cùng kỳ năm 2020:*

- Nguyên liệu: Lượng tiêu thụ tăng trưởng 42% so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 97% so với kế hoạch năm 2021, chủ yếu là mặt hàng phôi thép giao cho các Công ty thương mại lớn và các nhà sản xuất, chiếm tỷ trọng lớn về lượng và doanh thu (chiếm 41%/tổng lượng tiêu thụ), đây cũng chính là mặt hàng mang lại lợi nhuận cho Công ty.

- Thép ống và mặt hàng khác (thép ống, chế tạo, vật liệu xây dựng khác...): Tăng trưởng 01% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 92% kế hoạch năm.

** Những mặt hàng tiêu thụ giảm so cùng kỳ năm 2020:*

- Thép xây dựng: Lượng tiêu thụ giảm 18% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 88% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân chính dẫn đến sản lượng giảm, do năm 2021 Hà Nội và một số tỉnh thành thực hiện giãn cách xã hội nên nhu cầu thấp, đặc biệt là thị trường tại Hà Nội.

Tuy không đạt chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng nhưng mặt hàng thép xây dựng đã mang lại lợi nhuận cho Công ty, tạo luân chuyển dòng tiền và là môi liên kết khách hàng trong hệ thống Tổng Công ty.

- Thép tấm, lá: Lượng tiêu thụ giảm 36% so với năm 2020, đạt 54% kế hoạch năm. Công ty đã đẩy mạnh lượng tiêu thụ thép lá cuộn mạ kẽm cho nhà sản xuất với tỷ suất lợi nhuận cao, tạo nên nguồn lợi nhuận lớn cho Công ty. Đối với thép tấm chủ yếu là hàng khai thác mua ngay bán ngay, lợi nhuận mỏng nên hiệu quả không cao.

- Thép hình: Lượng tiêu thụ giảm sút 77% so với năm 2020, chỉ đạt 19% kế hoạch năm, do nhu cầu thị trường quá thấp, chủ yếu lượng hàng bán lẻ, không mang lại hiệu quả cao.

*** Kinh doanh dịch vụ**

Tổng doanh thu dịch vụ năm 2021 đạt 49,2 tỷ, tuy nhiên hiệu quả không

cao, do tiền thuê đất luôn ở mức cao; do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và hiện nay nhu cầu của khách hàng thuê có xu hướng dịch chuyển thuê kho bãi ra ngoại thành, do vậy có một số khách hàng trả lại mặt bằng thuê và một phần diện tích thuê.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021 (VNĐ)	01/01/2021 (VNĐ)
1	Tổng tài sản	260.402.788.785	141.998.859.628
2	Nợ phải thu	214.971.525.928	69.164.325.120

Tổng tài sản thời điểm 31/12/2021: 260,4 tỷ, tăng 118,4 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2021, trong đó tài sản ngắn hạn: 247,9 tỷ đồng chiếm 95% giá trị tổng tài sản, chủ yếu là tài sản bằng tiền: 1,8 tỷ, hàng hóa tồn kho: 27,2 tỷ và các khoản phải thu ngắn hạn: 257,1 tỷ (trích lập dự phòng: 42,2 tỷ). Tài sản dài hạn 12,5 tỷ là tài sản cố định: 11,3 tỷ, tài sản dài hạn khác: 1,1 tỷ.

Tổng số nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty là 257,1 tỷ đồng, tăng 147,4 tỷ đồng so với thời điểm ngày 01/01/2021. Trong đó, khoản nợ khó đòi > 06 tháng 47,4 tỷ đồng (đã trích lập dự phòng công nợ 42,2 tỷ đồng, chiếm 89%/công nợ khó đòi > 6Tháng).

Công tác quản lý công nợ được kiểm soát, Công ty đã tăng cường công tác thẩm định khách hàng mua trả chậm tín chấp, chú trọng bán hàng thu tiền nhanh để tăng vòng quay vốn, thường xuyên tổ chức kiểm tra hoạt động quản lý kinh doanh, tài chính tại các đơn vị, trong đó tập trung vào công tác quản lý hợp đồng mua bán, quản lý hàng hóa, thu hồi công nợ, tồn quỹ,... kịp thời phát hiện những sai sót để chấn chỉnh, giảm thiểu những rủi ro phát sinh.

Công nợ khó đòi chủ yếu là các khoản công nợ phát sinh đã lâu.

b) Tình hình nợ phải trả:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021
1	Tổng tài sản	260.402.788.785	141.998.859.628
2	Tổng nợ phải trả	165.067.583.699	53.329.214.643
3	Vốn chủ sở hữu	95.335.205.086	88.669.644.985

Công ty không có nợ phải trả dài hạn. Tại thời điểm ngày 31/12/2021, tổng nợ phải trả của Công ty là 165 tỷ, chiếm 63% giá trị tổng tài sản cùng ngày. Trong đó, khoản vay chiếm 54% nợ phải trả của Công ty.

Để có đủ nguồn vốn kinh doanh, Công ty đã tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ với các tổ chức tín dụng. Việc luân chuyển dòng tiền chủ động làm tăng hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo trả nợ trước và đúng hạn với ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tập trung mọi nguồn lực nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện năng suất lao động, tạo sự chuyển biến tích cực trong kinh doanh thương mại, phấn đấu các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả tốt. Mục tiêu tăng trưởng bình quân về lượng tiêu thụ và doanh thu ở mức tăng trưởng 5% - 7% năm và chú trọng tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần): Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Chỉ sử dụng nước sinh hoạt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Người lao động được ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Công ty thực hiện việc đóng nộp BHXH, BHYT và BHTN đầy đủ, kịp thời; đã mua bảo hiểm thân thể loại hình trợ cấp năm viện và phẫu thuật cho CBCNV, thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tổ chức Công đoàn luôn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Người lao động, đã ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể có các điều khoản đảm bảo quyền lợi của Người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp:

Trụ sở Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty được đóng trên địa bàn TP Hà Nội và 01 Chi nhánh tại Hải Phòng, Công ty luôn có ý thức cùng địa phương, xây dựng và phát triển, chấp hành nghiêm túc các quy định tại địa phương và có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - Vnsteel là doanh nghiệp thương mại, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP, có các tổ chức đoàn thể, Đảng bộ Công ty, Công đoàn, Đoàn thanh niên. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về trật tự an toàn xã hội, thường xuyên tham gia các buổi tập huấn về ATVSLĐ, PCCN, PCCC tại địa phương. Không vi phạm các quy định về an toàn môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Điều hành, các cán bộ quản lý Công ty để đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng định hướng, tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổng Giám đốc định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành hoạt động Công ty. Từ đó Hội đồng quản trị phối hợp với Tổng Giám đốc đề ra các giải pháp tháo gỡ và khắc phục

khó khăn trong hoạt động Công ty.

Các chỉ đạo của Hội đồng quản trị được thực hiện bằng các Nghị quyết và Quyết định. Hàng quý, trên cơ sở báo cáo kiểm điểm thực hiện Nghị quyết quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2021 của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị đã họp, ban hành Nghị quyết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đề ra và xây dựng chương trình công tác thời gian tiếp theo.

Tổng giám đốc đã tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Công ty; chủ động bám sát các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để có giải pháp trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Công ty.

Năm 2021, thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, định kỳ hàng tháng Tổng Giám đốc tổ chức họp giao ban, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trong tháng, đồng thời giao kế hoạch công việc tháng tiếp theo; ban hành và thực hiện các quy định về kinh doanh nhằm kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro từ các cán bộ quản lý cấp trung; áp dụng đồng bộ các giải pháp trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty như: Kinh doanh thương mại, dịch vụ, đầu tư, quản trị tài chính, nhân sự...., trong đó công tác trọng tâm tập trung triển khai nhiều giải pháp để mở rộng kinh doanh, giữ vững thị phần, tìm kiếm các mặt hàng mới, tiết giảm chi phí đảm bảo kinh doanh bảo toàn vốn, kiểm soát công nợ và thực hành tiết kiệm chống lãng phí; chú trọng công tác thị trường và chăm sóc khách hàng, hoạt động kinh doanh có hiệu quả tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch HĐQT	2.298.732	25,54	Đại diện vốn VNS, Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Huy Thành	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	2.327.932	25,87	Đại diện vốn VNS - TGD: 22/03/2021, TV HĐQT: 15/04/2021
3	Hoàng Ngọc Chiến	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	1.148.562	12,76	Đại diện vốn VNS - P. TGD: 23/03/2021, TV HĐQT: 15/04/2021
4	Nguyễn Hoàng Việt	TV HĐQT	1.148.562	12,76	Đại diện vốn VNS, TV HĐQT
5	Trần Thanh Hương	TV HĐQT	1.148.562	12,76	Đại diện vốn VNS, TV

					HĐQT: 15/04/2021
6	Phạm Công Dũng	TV HĐQT	0	0	Miễn nhiệm TGD: 22/03/2021, miễn nhiệm TV HĐQT: 15/04/2021
7	Đặng Trọng Khuynh	TV HĐQT	0	0	Miễn nhiệm TV HĐQT: 15/04/2021
8	Vũ Khắc Hoàng	TV HĐQT	700	0,008	Miễn nhiệm TV HĐQT: 15/04/2021

*** Chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nắm giữ tại các Công ty khác:**

- Bà: Trần Thanh Hương - Thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT Công ty CP Thép tấm lá Thống nhất

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, 01 thành viên là Tổng giám đốc điều hành, 01 thành viên là Phó Tổng Giám đốc và 02 thành viên kiêm nhiệm. Hội đồng quản trị đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các Quy chế khác của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền hạn, trách nhiệm, chế độ hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty, đồng thời đã phân công thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và ban hành quyết định cụ thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát và đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

+ Xem xét và ban hành nghị quyết chỉ đạo về các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh và đầu tư, công tác tài chính, lao động, tiền lương... của Công ty trên cơ sở các tờ trình của Ban điều hành;

+ Theo dõi nắm bắt quá trình điều hành hoạt động kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo, tờ trình của Ban điều hành gửi Hội đồng quản trị;

+ Trực tiếp làm việc với các các Phòng nghiệp vụ, Xí nghiệp, Chi nhánh để nắm tình hình, những vướng mắc trong hoạt động kinh doanh để kịp thời phối hợp với Ban điều hành tìm giải pháp tháo gỡ.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát mọi hoạt động của Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các nghị quyết, quyết định và các cuộc họp định kỳ

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hàng quý, ban hành 124 nghị quyết và quyết định, trong đó 04 nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các nghị quyết, quyết định còn lại được thông qua bằng văn bản sau khi được các thành viên Hội đồng quản trị thảo luận và biểu quyết nhất trí qua thư điện tử (email).

Các vấn đề chính đã được Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt, quyết định:

- + Kế hoạch tài chính, kinh doanh và đầu tư năm 2021
- + Nội dung Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
- + Đánh giá kết quả và đề ra chương trình công tác các quý/năm 2021

+ Các nội dung liên quan đến công tác kinh doanh thương mại: Thông qua chủ trương huy động vốn đối với các phương án kinh doanh làm hệ số nợ phải trả/ vốn CSH vượt quá 03 lần, hạn mức dư nợ đối với nhóm khách hàng lớn của Công ty, chấp thuận giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty liên quan...

+ Các nội dung liên quan đến công tác tổ chức, tiền lương: Thông qua chủ trương bổ nhiệm Trưởng Phòng ĐTDV, Trưởng phòng TCKT, bổ nhiệm lại Trưởng phòng KHKD, Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh; Quyết định giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - Vnsteel tại TP Hồ Chí Minh; quyết toán tiền lương và thù lao năm 2020; kế hoạch phân phối tiền lương, thù lao của người quản lý và người lao động năm 2021.

+ Các nội dung liên quan đến công tác tài chính - kế toán: Lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; trích lập dự phòng hàng hóa tồn kho và công nợ khó đòi năm 2020+2021; thể chấp tài sản tại các tổ chức tín dụng để vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Việc công bố thông tin được thực hiện đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

Hội đồng quản trị làm việc với nguyên tắc cẩn trọng để đưa ra định hướng chỉ đạo đúng đắn, kịp thời cho hoạt động của Công ty trên nguyên tắc phù hợp với điều kiện của Công ty và bối cảnh thị trường. Các thành viên Hội đồng quản trị đã làm đúng trọng trách được cổ đông uỷ quyền, có sự bàn bạc và thống nhất, nhất trí cao trong việc đề ra các chủ trương, nghị quyết chỉ đạo hoạt động của Công ty, giám sát chặt chẽ song cũng tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động của Công ty có hiệu quả.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban giúp việc.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Chủ tịch HĐQT: Thạc sỹ Chương trình cao học Việt - Bỉ, chuyên ngành quản trị doanh nghiệp và hệ thống thông tin.

- Ông Nguyễn Huy Thành - Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc: Cử nhân kinh tế.

- Ông Hoàng Ngọc Chiến - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc: Cử nhân Luật, ngành Luật kinh tế.

- Ông Nguyễn Hoàng Việt - Thành viên HĐQT: Thạc sỹ chuyên ngành khoa học và kỹ thuật vật liệu kim loại.

- Bà Trần Thanh Hương - Thành viên HĐQT: Thạc sỹ kinh tế đối ngoại.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số cổ phần sở hữu	
1	Dương Thị Phương Hiền	Trưởng BKS	02	500	Miễn nhiệm 02/11/2021
2	Nguyễn Việt Hoàng	Trưởng BKS	01	0	Bổ nhiệm 02/11/2021
3	Hà Thị Thu Hiền	TV BKS	03	0	Từ năm 2016-nay
4	Nguyễn Anh Đào	TV BKS	02	1.100	Bổ nhiệm 15/04/2021
5	Lê Như Quỳnh	TV BKS	01	3.300	Miễn nhiệm 15/04/2021

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao kế hoạch hàng tháng do Tổng giám đốc chủ trì, có ý kiến đóng góp trong phạm vi quyền hạn, chức năng theo Điều lệ Công ty quy định.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ để thông qua chương trình kiểm tra, giám sát hàng quý.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Giám sát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ của Công ty.

- Kiểm tra số liệu báo cáo tài chính Quý, báo cáo tài chính năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập Công ty chi trả	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch HĐQT	341.864.000	
2	Nguyễn Huy Thành	Thành viên HĐQT - TGD	209.071.000	TGD: 22/03/2021, TV HĐQT: 15/04/2021
3	Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT - P.TGD	177.560.000	Phó TGD: 23/03/2021, TV HĐQT: 15/04/2021
4	Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	48.000.000	
5	Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	34.000.000	TV HĐQT: 15/04/2021

6	Phạm Công Dũng	Thành viên HĐQT - TGD	110.161.000	Miễn nhiệm TGD: 22/03/2021, miễn nhiệm TV HĐQT: 15/04/2021
7	Đặng Trọng Khuynh	Thành viên HĐQT	14.000.000	Miễn nhiệm: 15/04/2021
8	Vũ Khắc Hoàng	Thành viên HĐQT	59.505.000	Miễn nhiệm: 15/04/2021
9	Dương Thị Phương Hiền	Trưởng BKS	174.264.000	Miễn nhiệm 02/11/2021
10	Nguyễn Việt Hoàng	Trưởng BKS	8.000.000	Bổ nhiệm 02/11/2021
11	Hà Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	36.000.000	
12	Nguyễn Anh Đào	Thành viên BKS	111.640.000	Bổ nhiệm 15/04/2021
13	Lê Như Quỳnh	Thành viên BKS	76.989.000	Miễn nhiệm 15/04/2021
	Cộng		1.401.054.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Trong năm 2021, Công ty bán thép phế cho Công ty cổ phần thép Thủ Đức - Vnsteel - là Công ty con của Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP (cổ đông lớn), với lượng hàng: 907.220kg, Trị giá: 10.751.798.400đ (cả VAT) - Thực hiện theo Nghị quyết số 475/NQ-HNS ngày 29/05/2020 và Nghị quyết số 1004/NQ-HNS ngày 22/07/2021 của HĐQT Công ty.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty ban hành các Quy chế, Quy định và thực hiện việc quản trị Công ty theo đúng Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã Kiểm toán năm 2021)

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 đã được đăng tải tại website của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - Vnsteel theo đường dẫn sau: <http://hns.com.vn/tin-tuc/thong-tin-co-dong.htm>

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	247.883.772.013	126.736.653.295
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.818.032.970	23.014.031.689
1. Tiền	1.818.032.970	23.014.031.689
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	214.971.525.928	69.164.325.120
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	253.525.834.969	104.084.951.390
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.709.686.794	2.134.181.081
3. Phải thu ngắn hạn khác	1.932.372.334	3.516.679.899
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(42.196.368.169)	(40.571.487.250)
IV. Hàng tồn kho	26.702.041.320	34.294.355.412
1. Hàng tồn kho	27.269.869.557	34.528.813.500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(567.828.237)	(234.458.088)
V. Tài sản ngắn hạn khác	4.392.171.795	263.941.074
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	43.908.667	16.972.062
2. Thuế GTGT được khấu trừ	396.583.154	
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.951.679.974	246.969.012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	12.519.016.772	15.262.206.333
I. Các khoản phải thu dài hạn	76.930.000	83.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	76.930.000	83.000.000
II. Tài sản cố định	11.318.529.492	13.746.804.702
1. Tài sản cố định hữu hình	10.850.329.903	13.267.708.441
- Nguyên giá	67.569.913.062	67.876.822.586
- Giá trị hao mòn lũy kế	(56.719.583.159)	(54.609.114.145)
2. Tài sản cố định vô hình	468.199.589	479.096.261
- Nguyên giá	729.211.000	729.211.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	(261.011.411)	(250.114.739)
VI. Tài sản dài hạn khác	1.123.557.280	1.432.401.631
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.123.557.280	1.432.401.631
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	260.402.788.785	141.998.859.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	165.067.583.699	52.329.214.643
I. Nợ ngắn hạn	165.067.583.699	52.329.214.643
1. Phải trả người bán ngắn hạn	8.823.297.786	6.474.203.214
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	475.033.149	1.118.172.537
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.235.640.691	4.502.225.804
4. Phải trả người lao động	8.486.160.579	3.867.564.990
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	248.065.999	273.229.453
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.368.181	
7. Phải trả ngắn hạn khác	4.373.577.093	4.279.465.710
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	141.409.440.221	32.814.352.935
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	95.335.205.086	88.669.644.985
I. Vốn chủ sở hữu	95.335.205.086	88.669.644.985
1. Vốn góp của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>90.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	3.599.851.779	3.599.851.779
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.735.353.307	(4.930.206.794)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>(4.930.206.794)</i>	<i>(6.160.722.377)</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>6.665.560.101</i>	<i>1.230.515.583</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	260.402.788.785	141.998.859.628

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.494.006.980.996	1.910.480.212.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.984.904.090	1.420.448.200
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.492.022.076.906	1.909.059.764.314
4. Giá vốn hàng bán	2.439.355.050.721	1.868.884.968.594
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.667.026.185	40.174.795.720
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.195.687.804	2.742.954.789
7. Chi phí tài chính	7.985.166.059	6.747.700.846
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>7.985.166.059</i>	<i>6.596.675.050</i>
8. Chi phí bán hàng	11.680.566.381	17.112.311.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.240.836.119	19.100.367.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.956.145.430	(42.629.649)
11. Thu nhập khác	609.792.341	2.186.939.684
12. Chi phí khác	251.774.720	45.313.176
13. Lợi nhuận khác	358.017.621	2.141.626.508
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.314.163.051	2.098.996.859
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.648.602.950	868.481.276
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.665.560.101	1.230.515.583
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	741	137

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	9.314.163.051	2.098.996.859
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.458.775.210	3.257.534.393
- Các khoản dự phòng	1.958.251.068	(4.563.331.970)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(144.655.291)	(18.471.552)
- Chi phí lãi vay	7.985.166.059	6.596.675.050
- Các khoản điều chỉnh khác		
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	21.571.700.097	7.371.402.780
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(151.527.305.843)	55.272.436.117
- Tăng, giảm hàng tồn kho	7.258.943.943	108.259.896.638
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	2.902.949.736	(3.451.219.580)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	281.907.746	(864.200.917)
- Tiền lãi vay đã trả	(7.910.329.513)	(6.749.445.597)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.466.827.462)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(89.928.517)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>(129.888.961.296)</i>	<i>159.748.940.924</i>
II.		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(30.500.000)	(1.765.980.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	127.390.910	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	17.264.381	18.471.552
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>114.155.291</i>	<i>(1.747.508.448)</i>
III.		
1. Tiền thu từ đi vay	1.603.138.365.898	976.577.921.411
2. Tiền trả nợ gốc vay	(1.494.543.278.612)	(1.126.199.878.494)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(16.280.000)	(5.050.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>108.578.807.286</i>	<i>149.627.007.083</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(21.195.998.719)	8.374.425.393

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	NĂM 2021 VNĐ	NĂM 2020 VNĐ
Tiền và tương đương tiền đầu năm	23.014.031.689	14.639.606.296
Tiền và tương đương tiền cuối năm	<u>1.818.032.970</u>	<u>23.014.031.689</u>

(Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo).

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội - Vnsteel (HMG).

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu VT, TKCTy



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL (Tên cũ: Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim Khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 30/03/2021 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 132 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 140 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non; sản xuất than cốc;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, thị trường ngành thép phục hồi đáng kể trong 03 quý đầu năm khiến doanh thu của Công ty tăng trưởng, tăng 30,54% so với năm 2020. Tuy nhiên, Công ty thường cho khách hàng trả chậm từ 45 ngày đến 60 ngày và thanh toán ngay cho nhà cung cấp bằng tiền của Công ty hoặc nguồn đi vay dẫn đến lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh âm 130 tỷ đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1

Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2

Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6

Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 8

Xí nghiệp Kinh doanh Thép hình

Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng

Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng

Địa chỉ

Hà Nội

Hà Nội

Hà Nội

Hà Nội

Hà Nội

Hà Nội

Hồ Chí Minh

Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

Kinh doanh thép

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động kinh doanh sắt thép và cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của toàn Công ty. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	159.822.065	138.593.952
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.658.210.905	22.875.437.737
	<u>1.818.032.970</u>	<u>23.014.031.689</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	(21.177.618.000)	21.177.618.000	(21.177.618.000)
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Phú Vinh	85.452.327.810	-	16.923.904.704	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	89.592.271.019	-	-	-
Đối tượng khác	57.303.618.140	(21.018.750.169)	65.983.428.686	(19.393.869.250)
	<u>253.525.834.969</u>	<u>(42.196.368.169)</u>	<u>104.084.951.390</u>	<u>(40.571.487.250)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Cao Thái Hùng	-	-	1.984.221.581	-
Công ty Liên doanh Sản xuất thép VINAUSTEEL	1.253.322.394	-	-	-
Công ty TNHH Natsteel Vina	266.866.500	-	-	-
Các khách hàng khác	189.497.900	-	149.959.500	-
	<u>1.709.686.794</u>	<u>-</u>	<u>2.134.181.081</u>	<u>-</u>
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	<u>1.520.188.894</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	4.702.970	-
Tạm ứng Ủy ban Nhân dân Quận Long Biên	115.000.000	-	450.856.938	-
Ông Nguyễn Mạnh Cường	-	-	1.510.800.244	-
Phải thu khác	1.510.030.000	-	1.510.030.000	-
	307.342.334	-	40.289.747	-
	<u>1.932.372.334</u>	<u>-</u>	<u>3.516.679.899</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	76.930.000	-	83.000.000	-
	<u>76.930.000</u>	<u>-</u>	<u>83.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công Nghệ -	4.797.383.800	-	4.797.383.800	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	-	21.177.618.000	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Quang Minh (*)	2.181.819.780	-	2.181.819.780	-
- Ông Nguyễn Mạnh Cường (*)	1.510.030.000	-	1.510.030.000	-
- Công ty Cổ phần Gang thép Hàn Việt	4.051.720.450	1.215.516.135	4.327.550.450	2.163.775.225
- Các khoản khác	15.170.332.044	1.785.169.990	12.738.966.783	15.206.497
	<u>48.888.904.074</u>	<u>3.000.686.125</u>	<u>46.733.368.813</u>	<u>2.178.981.722</u>

Đến thời điểm 31/12/2021, dư nợ gốc các khoản nợ khó đòi đang trích lập dự phòng là 48.888.904.074 đồng trong đó công nợ quá hạn từ 06 tháng đến 01 năm là 2.312.506.667 đồng; công nợ quá hạn từ 01 năm đến 02 năm là 4.384.551.097 đồng và trên 03 năm là 42.191.846.310 đồng.

(*) Căn cứ theo kiến nghị tại Thông báo số 186/TB-KTNN ngày 14/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel cho năm tài chính 2017, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào Báo cáo tài chính năm 2018 với tổng số tiền là 4.002.899.841 đồng (trong đó Công ty Cổ phần Vật tư Quang Minh số tiền 2.181.819.780 đồng, cá nhân ông Nguyễn Mạnh Cường số tiền 1.510.030.000 đồng và một số đối tượng khác) do thiếu các hồ sơ thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đến thời điểm 31/12/2021 và 01/01/2021, dư nợ gốc các khoản nợ khó đòi chưa trích lập dự phòng này lần lượt là 3.691.849.780 đồng và 3.982.899.841 đồng. Do đó khoản mục dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm đầu và cuối năm nay chưa phản ánh giá trị dự phòng đối với các khoản công nợ này.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	27.269.869.557	(567.828.237)	34.528.813.500	(234.458.088)
	<u>27.269.869.557</u>	<u>(567.828.237)</u>	<u>34.528.813.500</u>	<u>(234.458.088)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	58.992.790.470	2.336.454.758	6.506.840.994	40.736.364	67.876.822.586
- Mua trong năm	-	-	-	30.500.000	30.500.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(337.409.524)	-	(337.409.524)
Số dư cuối năm	58.992.790.470	2.336.454.758	6.169.431.470	71.236.364	67.569.913.062
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	47.495.831.957	2.107.732.683	4.978.482.469	27.067.036	54.609.114.145
- Khấu hao trong năm	2.059.582.460	186.226.603	193.627.046	8.442.429	2.447.878.538
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(337.409.524)	-	(337.409.524)
Số dư cuối năm	49.555.414.417	2.293.959.286	4.834.699.991	35.509.465	56.719.583.159
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.496.958.513	228.722.075	1.528.358.525	13.669.328	13.267.708.441
Tại ngày cuối năm	9.437.376.053	42.495.472	1.334.731.479	35.726.899	10.850.329.903

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.440.122.727 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.912.487.523 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	461.521.000	267.690.000	729.211.000
Số dư cuối năm	<u>461.521.000</u>	<u>267.690.000</u>	<u>729.211.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	250.114.739	250.114.739
- Khấu hao trong năm	-	10.896.672	10.896.672
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>261.011.411</u>	<u>261.011.411</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	461.521.000	17.575.261	479.096.261
Tại ngày cuối năm	<u>461.521.000</u>	<u>6.678.589</u>	<u>468.199.589</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 235.000.000 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với nguyên giá là 461.521.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	43.908.667	16.972.062
	<u>43.908.667</u>	<u>16.972.062</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	311.448.426	222.596.306
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	757.208.530	1.193.646.408
Chi phí trả trước dài hạn khác	54.900.324	16.158.917
	<u>1.123.557.280</u>	<u>1.432.401.631</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng và Nội thất	2.482.620.184	2.482.620.184	1.560.819.565	1.560.819.565
- Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và Thương mại Ngọc Thăng	1.533.575.497	1.533.575.497	1.336.847.517	1.336.847.517
Công ty Cổ phần Thương mại Thép Trần Long	1.000.902.881	1.000.902.881	325.164.860	325.164.860
Phải trả các đối tượng khác	3.806.199.224	3.806.199.224	3.251.371.272	3.251.371.272
	<u>8.823.297.786</u>	<u>8.823.297.786</u>	<u>6.474.203.214</u>	<u>6.474.203.214</u>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>692.221.565</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>				

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty TNHH Kim loại HANNOX	-	710.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Giấy Phong Châu	200.000.000	-
- Công ty TNHH Nhà Thép Đẹp	-	175.000.000
- Các khách hàng khác	275.033.149	233.172.537
	<u>475.033.149</u>	<u>1.118.172.537</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm (đã điều chỉnh)		Số phải nộp đầu năm (đã điều chỉnh)		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.348.272.436	-	8.239.352.428	9.568.161.222	-	19.463.542	-	-	-	-	19.463.542
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	868.481.276	-	2.648.602.950	2.466.827.462	-	1.050.256.764	-	-	-	-	1.050.256.764
Thuế Thu nhập cá nhân	85.469.950	1.800.000	84.134.570	19.038.220	19.038.220	18.573.600	-	-	18.573.600	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	161.499.062	2.283.672.092	23.297.795.596	23.297.795.596	29.353.075.000	3.933.106.374	-	-	3.933.106.374	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	246.270.815	246.270.815	80.350.430	-	-	-	-	-	-	165.920.385
	246.969.012	4.502.225.804	34.521.156.359	41.492.452.434	3.951.679.974	1.235.640.691						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	01/01/2021 (đã điều chỉnh)		31/12/2021 (đã điều chỉnh)	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Tài sản thừa chờ giải quyết	23.880.318	23.880.318	-	-
- Kinh phí công đoàn	800.000	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	37.790.939	-	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.087.752.750	3.970.058.750	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	152.380.000	168.660.000	-	-
- Phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	34.293.525	58.293.525	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.679.561	58.573.117	-	-
	4.373.577.093	4.279.465.710	34.293.525	58.293.525
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 3.2)				

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội ⁽¹⁾	3.252.244.710	3.252.244.710	211.371.539.796	199.704.917.216	14.918.867.290	14.918.867.290
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh ⁽²⁾	23.854.633.155	23.854.633.155	1.259.786.227.211	1.167.648.540.327	115.992.320.039	115.992.320.039
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽³⁾	5.707.475.070	5.707.475.070	131.980.598.891	127.189.821.069	10.498.252.892	10.498.252.892
	32.814.352.935	32.814.352.935	1.603.138.365.898	1.494.543.278.612	141.409.440.221	141.409.440.221

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp cho vay hạn mức số 91/2021-HĐCVHM/NHCT129-KIM KHI HA NOI 28/04/2021, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2022;
 - + Lãi suất cho vay: quy định theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 14.918.867.290 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp/ký quỹ (Hợp đồng bảo đảm) với ngân hàng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/134796/HĐTD ngày 28/12/2020 và phụ lục hợp đồng số 01/2021/134796/HĐTD/PL01 ngày 02/11/2021 với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021;
 - + Lãi suất cho vay: quy định theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 115.992.320.039 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp/ký quỹ (Hợp đồng bảo đảm) với ngân hàng.
- (3) Hợp đồng cho vay hạn mức số 79/2021-HĐCVHM/NHCT124-HNS ngày 28/04/2021, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2022;
 - + Lãi suất cho vay: quy định theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.498.252.892 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp/ký quỹ (Hợp đồng bảo đảm) với ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	3.599.851.779	(6.160.722.377)	87.439.129.402
Lãi trong năm trước	-	-	1.230.515.583	1.230.515.583
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	3.599.851.779	(4.930.206.794)	88.669.644.985
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	3.599.851.779	(4.930.206.794)	88.669.644.985
Lãi trong năm nay	-	-	6.665.560.101	6.665.560.101
Số dư cuối năm nay	90.000.000.000	3.599.851.779	1.735.353.307	95.335.205.086

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	89,37%	80.431.500.000	89,37%	80.431.500.000
Các cổ đông khác	10,63%	9.568.500.000	10,63%	9.568.500.000
	100%	90.000.000.000	100%	90.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	168.660.000	173.710.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(16.280.000)	(5.050.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(16.280.000)	(5.050.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	152.380.000	168.660.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

e) **Các quỹ công ty**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.599.851.779	3.599.851.779
	<u>3.599.851.779</u>	<u>3.599.851.779</u>

17 **CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) **Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho khách hàng thuê lại một số vị trí đất thuê. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	45.150.299.778	45.451.100.904
- Trên 1 năm đến 5 năm	6.625.908.045	3.015.883.636
	<u>51.776.207.823</u>	<u>48.466.984.540</u>

b) **Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm tại Hà Nội và Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng, cửa hàng kinh doanh và kho thép. Tổng diện tích các khu đất thuê là 181.220 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định pháp lý hiện hành.

18 **TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.444.717.751.521	1.861.207.833.415
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.289.229.475	49.272.379.099
	<u>2.494.006.980.996</u>	<u>1.910.480.212.514</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>9.796.172.180</u>	<u>10.152.538.180</u>

19 **CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.984.904.090	499.783.610
Giảm giá hàng bán	-	920.664.590
	<u>1.984.904.090</u>	<u>1.420.448.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.411.512.611.154	1.840.295.781.153
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.509.069.418	34.289.936.012
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	333.370.149	(5.700.748.571)
	<u>2.439.355.050.721</u>	<u>1.868.884.968.594</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	<u>649.781.081.395</u>	<u>605.359.052.740</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.264.381	18.471.552
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.178.423.423	2.724.483.237
	<u>1.195.687.804</u>	<u>2.742.954.789</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.985.166.059	6.596.675.050
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	151.025.796
	<u>7.985.166.059</u>	<u>6.747.700.846</u>

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.594.415	77.712.871
Chi phí nhân công	9.744.834.708	9.857.999.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.058.910	119.666.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.536.393.883	2.313.140.447
Chi phí khác bằng tiền	201.684.465	279.918.625
Chi phí hỗ trợ, chiết khấu không đủ điều kiện giảm trừ doanh thu theo KTNN	-	4.463.872.946
	<u>11.680.566.381</u>	<u>17.112.311.500</u>

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.063.101	281.179.590
Chi phí nhân công	12.832.046.079	8.265.605.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	285.065.158	522.976.169
Thuế, phí, lệ phí	1.526.437.866	1.457.123.358
Chi phí dự phòng	1.624.880.919	1.137.416.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.202.110.434	2.337.348.489
Chi phí khác bằng tiền	6.456.232.562	5.098.717.957
	<u>25.240.836.119</u>	<u>19.100.367.812</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	127.390.910	-
Hàng nhập thừa theo bảng kê	92.511.292	110.804.070
Bồi thường do UBND quận Long Biên thu hồi đất	141.214.483	1.510.800.244
Thu nhập khác	248.675.656	565.335.370
	<u>609.792.341</u>	<u>2.186.939.684</u>

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	246.270.815	38.118.588
Chi phí khác	5.503.905	7.194.588
	<u>251.774.720</u>	<u>45.313.176</u>

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.314.163.051	2.098.996.859
Các khoản điều chỉnh tăng	3.789.657.520	5.356.726.895
- Chi phí không hợp lệ	3.789.657.520	5.356.726.895
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.113.317.376)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(3.113.317.376)
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.103.820.571	4.342.406.378
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.620.764.114	868.481.276
Điều bổ sung chi phí thuế TNDN năm 2020	27.838.836	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>2.648.602.950</u>	<u>868.481.276</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	868.481.276	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.466.827.462)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>1.050.256.764</u>	<u>868.481.276</u>

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.665.560.101	1.230.515.583
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.665.560.101	1.230.515.583
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>741</u>	<u>137</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	384.657.516	358.892.461
Chi phí nhân công	22.576.880.787	18.107.075.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.458.775.210	3.257.534.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.324.558.251	35.494.511.254
Chi phí khác bằng tiền	9.685.600.154	13.284.601.786
	<u>64.430.471.918</u>	<u>70.502.615.324</u>

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.818.032.970	-	23.014.031.689	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	255.535.137.303	(42.196.368.169)	107.684.631.289	(40.571.487.250)
	<u>257.353.170.273</u>	<u>(42.196.368.169)</u>	<u>130.698.662.978</u>	<u>(40.571.487.250)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			141.409.440.221	32.814.352.935
Phải trả người bán, phải trả khác			13.196.874.879	10.753.668.924
Chi phí phải trả			248.065.999	273.229.453
			<u>154.854.381.099</u>	<u>43.841.251.312</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.818.032.970	-	-	1.818.032.970
Phải thu khách hàng, phải thu khác	213.261.839.134	76.930.000	-	213.338.769.134
	<u>215.079.872.104</u>	<u>76.930.000</u>	<u>-</u>	<u>215.156.802.104</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.014.031.689	-	-	23.014.031.689
Phải thu khách hàng, phải thu khác	67.030.144.039	83.000.000	-	67.113.144.039
	<u>90.044.175.728</u>	<u>83.000.000</u>	<u>-</u>	<u>90.127.175.728</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	141.409.440.221	-	-	141.409.440.221
Phải trả người bán, phải trả khác	13.196.874.879	-	-	13.196.874.879
Chi phí phải trả	248.065.999	-	-	248.065.999
	<u>154.854.381.099</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>154.854.381.099</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	32.814.352.935	-	-	32.814.352.935
Phải trả người bán, phải trả khác	10.753.668.924	-	-	10.753.668.924
Chi phí phải trả	273.229.453	-	-	273.229.453
	<u>43.841.251.312</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>43.841.251.312</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất thép VINAUSTEEL	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Natsteel Vina	Công ty liên kết của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEELSố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu	9.796.172.180	10.152.538.180
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	21.818.180	21.818.180
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	9.774.354.000	10.130.720.000
Mua hàng	649.781.081.395	605.359.052.740
Công ty Liên doanh Sản xuất thép VINAUSTEEL	649.518.913.515	603.042.798.900
Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	262.167.880	2.316.253.840
Thu nhập khác	-	15.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	-	15.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp	1.520.188.894	-
Công ty Liên doanh Sản xuất thép VINAUSTEEL	1.253.322.394	-
Công ty TNHH Natsteel Vina	266.866.500	-
Phải trả người bán	-	692.221.565
Công ty Liên doanh Sản xuất thép VINAUSTEEL	-	538.053.430
Công ty TNHH ống thép Việt Nam	-	154.168.135
Phải trả khác	34.293.525	58.293.525
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	34.293.525	58.293.525

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc	Chức vụ	994.161.000	1.130.726.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch	341.864.000	361.073.000
Ông Nguyễn Huy Thành	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/04/2021) Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/03/2021)	209.071.000	-
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/04/2021) Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/03/2021)	177.560.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/07/2020)	48.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hương	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/04/2021)	34.000.000	-
Ông Đặng Trọng Khuynh	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2021)	14.000.000	171.138.000
Ông Phạm Công Dũng	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2021) Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/03/2021)	110.161.000	334.320.000
Ông Vũ Khắc Hoàng	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/04/2021)	59.505.000	216.195.000
Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/08/2020)	-	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 căn cứ thông báo kết quả kiểm toán nhà nước số 02/TB - KTNN ngày 04/01/2022. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2020 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
		cáo tài chính năm trước	lại		
		VND	VND	VND	
a) Bảng Cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	103.218.859.889	104.084.951.390	866.091.501	(4,5)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(40.096.216.250)	(40.571.487.250)	(475.271.000)	(1)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	85.469.950	246.969.012	161.499.062	(2)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.590.358.108	4.502.225.804	911.867.696	(6)
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.754.736.710	4.279.465.710	(475.271.000)	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(5.045.929.661)	(4.930.206.794)	115.722.867	(6)
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.907.727.966.376	1.910.480.212.514	2.752.246.138	(3)
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3.275.150.690	1.420.448.200	(1.854.702.490)	(4)
Giá vốn hàng bán	11	1.868.617.694.093	1.868.884.968.594	267.274.501	(3)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.062.333.537	2.742.954.789	680.621.252	(5)
Chi phí tài chính	22	6.596.675.050	6.747.700.846	151.025.796	(3)
Chi phí bán hàng	25	12.648.438.554	17.112.311.500	4.463.872.946	(3,4)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18.786.595.874	19.100.367.812	313.771.938	(2,4)
Thu nhập khác	31	1.711.668.684	2.186.939.684	475.271.000	(1)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	50	1.532.101.160	2.098.996.859	566.895.699	(6)
Chi phí thuế thu nhập	51	417.308.444	868.481.276	451.172.832	(6)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.114.792.716	1.230.515.583	115.722.867	(6)
c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	1.532.101.160	2.098.996.859	566.895.699	(6)
Các khoản dự phòng	03	(5.038.602.970)	(4.563.331.970)	475.271.000	(6)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	56.300.026.680	55.272.436.117	(1.027.590.563)	(6)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.436.643.444)	(3.451.219.580)	(14.576.136)	(6)

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp)

- (1) Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị công nợ không có khả năng thu hồi, đồng thời ghi nhận bổ sung thu nhập khác đối với khoản được bồi thường thiệt hại;
- (2) Chi phí tiền thuê đất nộp thừa của lô đất đã thu hồi 4600 m² tại số 109 ngõ 53 Đức Giang, Quận Long Biên;
- (3) Điều chỉnh tăng doanh thu, thuế giá trị gia tăng phải nộp và giá vốn, chi phí tài chính, chi phí bán hàng do giá vốn hàng được hỗ trợ thị trường, hỗ trợ khác đang trừ vào giá bán; và chiết khấu giảm giá hàng bán; chiết khấu thanh toán ghi nhận chưa tuân thủ Thông tư 219/2013/TT-BTC;
- (4) Điều chỉnh lại giảm trừ doanh thu do chưa tuân thủ Thông tư 219/2013/TT-BTC;
- (5) Hạch toán bổ sung lãi chậm trả
- (6) Ảnh hưởng do các điều chỉnh trên